

Light

JUNO 01 TLS

JUNO01TLS

Sneaker trang có khóa TLS

giày an toàn [illegible] ngoài [illegible] chất liệu **thoáng khí** và khả năng hấp thụ **năng** l[illegible] **gót chân**. **JUNO** còn có đế **ngoài** bằng cao su **bọt** [illegible] **cổ** đặc tính chống **tĩnh** điện và có iặt ở nhiệ[illegible] độ **30** C.

4.17 kg

Những vật liệu cao cấp hơn	3D lưới
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Phylon/cao su
i Loạ	01 / SR, FO
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.260 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2022(Europe)





BLU



DGR



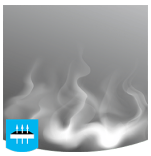
BLK



WHT



TLS (Hệ thống **khóa** x Nhờ phần **đóng** TLS sáng tạo safety Jogger , bạn có thể **giày** và cởi **tay** và trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi đeo găng tay an toàn. Ngoài ra, hệ thống TLS đảm bảo độ chính xác phù hợp nhanh chóng, an toàn và dễ dàng. Một trong đó cung cấp và thúc đẩy hiệu s



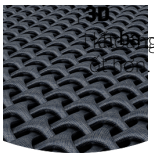
Phần **trên thoáng khí** Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ [illegible] **thoáng** [illegible] lâu hơn.



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ** [illegible] ngoài [illegible] trên [illegible] Oxytraction [illegible] **SRA** và **SRB** (SRA+ SRB).



SRC rước là [illegible] trong những tính năng [illegible] giày bảo [illegible] **SRC** [illegible] qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



3D lưới [illegible] **thoáng** [illegible] chỉnh nhiệt độ và độ ẩm t



hấp thụ **gót chân** Sự hấp thụ năng lượng ở **gót chân** [illegible] mang. [illegible] hoặc chạy lên cơ thể ng

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố n g, Thự ồcupốẩm m &g thuộ c v ề **y** hồ ợn cg,phục

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bằm phải cáp hủ hàm hiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
	Những vật l iệ **3D** l ư ớ **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	25.3	iờ mg/cm/g
	Top: h nụ số ơ	? 15	204	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ			
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	21.1	iờ mg/cm/g
	lót: h nụ số ơ	? 20	169	mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**			
	Ch ố ả g ế ngoài (mài mòn)	? 150	90	mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28	0.42	ma sát
	a đế ngoài SRA P ầ t g	? 0.32	0.41	ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13	0.18	ma sát
	ế ngoài SRB P ầ t	? 0.18	0.23	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	30.5	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân ủ	? 20	30	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Safety Jogger và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO2 hát** thả			
	V ật l iệu	1.91	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
			4.17 kg CO2/cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	17%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá trị tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] thay đổi.